

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 37

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là trồng và kinh doanh cao su và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; và chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Đoàn Nguyễn Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên
Bà Đào Định Phương	Thành viên

từ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2016

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Thắng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 10.1 và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng lẻ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Gia Lai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 4 năm 2017

Số tham chiếu: 61280353/18688688

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 27 tháng 4 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 3 tháng 5 năm 2017 đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc hợp nhất báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 và cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đoàn Thị Thu Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Phạm Thị Cẩm Tú
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 3 tháng 5 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.760.454.724	2.794.644.068
110	I. Tiền	4	144.092.732	572.980
111	1. Tiền		144.092.732	572.980
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.612.035.069	2.792.656.170
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	75.936.361	22.670.764
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		7.405.264	567.410
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	21	611.768.955	1.510.757.588
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.916.924.489	1.261.030.197
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	-	(2.369.789)
140	III. Hàng tồn kho	7	2.514.356	1.028.896
141	1. Hàng tồn kho		2.786.956	1.028.896
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(272.600)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.812.567	386.022
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		540.242	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	986.494	100.191
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	285.831	285.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16.658.835.728	10.604.939.441
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.874.467.877	2.703.320.877
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	21	3.853.343.420	2.703.320.877
216	2. Phải thu dài hạn khác	21	21.124.457	-
220	II. Tài sản cố định		40.661.481	45.939.164
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	10.247.913	9.475.958
222	Nguyên giá		28.256.563	25.036.836
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(18.008.650)	(15.560.878)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	30.413.568	36.463.206
228	Nguyên giá		48.197.185	48.197.185
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.783.617)	(11.733.979)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	10	12.743.162.129	7.855.101.013
251	1. Đầu tư vào công ty con		12.563.586.935	7.581.925.022
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	273.175.991
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(106.429.442)	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		544.241	578.387
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		544.241	578.387
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		19.419.290.452	13.399.583.509

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.391.911.447	5.130.207.338
310	I. Nợ ngắn hạn		1.124.466.235	1.454.911.883
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	72.458.084	62.617.582
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	229.158	1.648.286
314	3. Phải trả người lao động		2.647.623	1.107.407
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	49.257.238	305.212.779
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	366.505.359	677.680.829
320	6. Vay ngắn hạn	15	633.368.773	406.645.000
330	II. Nợ dài hạn		8.267.445.212	3.675.295.455
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	12	62.765.852	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	13	90.503.476	-
338	3. Vay dài hạn	15	8.114.175.884	3.675.295.455
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.027.379.005	8.269.376.171
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	10.027.379.005	8.269.376.171
411	1. Vốn cổ phần		7.671.438.950	7.081.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.671.438.950	7.081.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.064.550.810	2.550.810
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.291.389.245	1.185.386.411
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.185.386.411	27.790.888
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		106.002.834	1.157.595.523
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		19.419.290.452	13.399.583.509



Nguyễn Thị Hải Yên
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2017


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	17.1	188.970.898	12.502.387
11	2. Giá vốn hàng bán		(173.574.358)	(10.912.626)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		15.396.540	1.589.761
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	794.749.353	1.554.902.898
22	5. Chi phí tài chính	18	(663.659.663)	(348.787.673)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(549.707.937)	(345.763.745)
25	6. Chi phí bán hàng	19	(12.733.911)	(1.434.776)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(22.398.389)	(46.629.496)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		111.353.930	1.159.640.714
31	9. Thu nhập khác		838.824	3.510.057
32	10. Chi phí khác		(6.189.920)	(5.741.753)
40	11. Lỗ khác		(5.351.096)	(2.231.696)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		106.002.834	1.157.409.018
51	13. Thu nhập thuế TNDN hiện hành	20.1	-	186.505
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		106.002.834	1.157.595.523



Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		106.002.834	1.157.409.018
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	9.515.998	9.580.583
03	Các khoản dự phòng		104.332.253	473.029
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		793.308	1.511.014
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(794.734.625)	(1.554.584.317)
06	Chi phí lãi vay	18	556.325.125	345.763.745
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(17.765.107)	(39.846.928)
09	Tăng các khoản phải thu		(63.844.907)	(190.537.314)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(1.758.060)	94.183
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(4.711.044)	54.508.869
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(506.096)	689.423
14	Tiền lãi vay đã trả		(311.099.880)	(294.208.449)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20.1	-	(1.157.773)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(399.685.094)	(470.457.989)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(402.756)	(2.273.301)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.363.300	589.441
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(725.136.000)	(450.004.966)
24	Tiền thu hồi cho vay		292.295.457	19.652.607
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.019.147.150)	(1.794.800.626)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		283.137.065	1.232.022.903
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(5.167.890.084)	(994.813.942)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

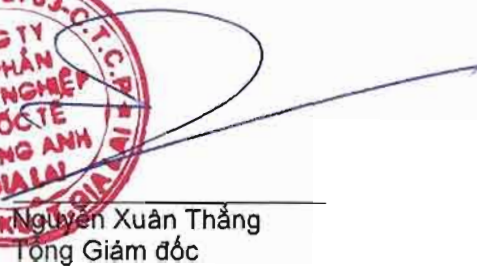
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	16.1	1.652.000.000	1.797.972.760
33	Tiền thu từ đi vay, mượn		4.479.120.930	4.256.390.738
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn		(420.026.000)	(4.506.651.183)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(83.317.160)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.711.094.930	1.464.395.155
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		143.519.752	(876.776)
60	Tiền đầu năm		572.980	1.449.756
70	Tiền cuối năm	4	144.092.732	572.980



Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười bốn (14) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp, mười hai (12) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết. Chi tiết các công ty con như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Sekong, Lào	Đang hoạt động	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	99,53
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(6) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	99,45
(7) Công ty TNHH Heng Brothers	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(8) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(9) Công ty TNHH CRD	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(10) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Chờ thanh lý	99,99
(11) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Chờ thanh lý	99,99
(12) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(13) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(14) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(15) Công ty Cổ phần Đồng Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,70
(16) Công ty TNHH Một Thành viên Nông nghiệp Daun Penh	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	99,70

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(17) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	70,00
(18) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	70,00
(19) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(20) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(21) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(22) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	100,00
(23) Công ty TNHH Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(24) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,91

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là trồng và kinh doanh cao su và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; và chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 68 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 99).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phát hành ngày 3 tháng 5 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quý và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Bên liên quan

Được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	138.078	353.026
Tiền gửi ngân hàng	143.954.654	219.954
TỔNG CỘNG	144.092.732	572.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 21)	45.077.426	19.285.351
Phải thu từ khách hàng khác	30.858.935	3.385.413
- Ông Nguyễn Hùng	12.464.980	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	8.512.668	-
- Ông Phạm Đình Phúc	7.169.062	-
- Công ty TNHH MTV Thiên Quan	-	3.385.413
- Khách hàng khác	2.712.225	-
TỔNG CỘNG	75.936.361	22.670.764
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(2.369.789)
GIÁ TRỊ THUẦN	75.936.361	20.300.975

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu lãi cho vay	1.790.227.345	1.204.902.148
Phải thu cổ tức	101.182.500	27.656.400
Thanh toán hộ	21.076.098	24.815.654
Khác	4.438.546	3.655.995
TỔNG CỘNG	1.916.924.489	1.261.030.197
Trong đó:		
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 21)	1.915.427.244	1.259.743.045
Phải thu từ bên khác	1.497.245	1.287.152

7. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	2.414.654	945.200
Nguyên vật liệu	73.339	63.901
Công cụ, dụng cụ	298.963	19.795
TỔNG CỘNG	2.786.956	1.028.896
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(272.600)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	2.514.356	1.028.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	17.621.446	7.134.116	281.274	25.036.836
Mua mới	5.756.830	-	548.409	133.883	6.439.122
Thanh lý	-	(615.055)	(2.604.340)	-	(3.219.395)
Số cuối năm	<u>5.756.830</u>	<u>17.006.391</u>	<u>5.078.185</u>	<u>415.157</u>	<u>28.256.563</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	1.602.759	511.302	281.274	2.395.335
Khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	-	12.436.478	2.847.449	276.951	15.560.878
Khấu hao trong năm	189.524	2.640.384	629.216	7.236	3.466.360
Thanh lý	-	(138.387)	(880.201)	-	(1.018.588)
Số cuối năm	<u>189.524</u>	<u>14.938.475</u>	<u>2.596.464</u>	<u>284.187</u>	<u>18.008.650</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	5.184.968	4.286.667	4.323	9.475.958
Số cuối năm	<u>5.567.306</u>	<u>2.067.916</u>	<u>2.481.721</u>	<u>130.970</u>	<u>10.247.913</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Chương trình phần mềm</i>	
Nguyên giá		
Số đầu năm và số cuối năm		<u>48.197.185</u>
Hao mòn lũy kế		
Số đầu năm		11.733.979
Hao mòn trong năm		<u>6.049.638</u>
Số cuối năm		<u>17.783.617</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		<u>36.463.206</u>
Số cuối năm		<u>30.413.568</u>

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 10.1</i>)	12.563.586.935	7.581.925.022
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 10.2</i>)	286.004.636	273.175.991
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(106.429.442)</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>12.743.162.129</u>	<u>7.855.101.013</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên (i)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, và chăn nuôi bò	99,91	3.277.737.120	-	-	-	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.080.734.798	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương (ii)	Trồng cây công nghiệp	100,00	1.650.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai (iii)	Trồng cây công nghiệp và chăn nuôi bò	99,99	1.375.149.450	-	99,99	1.375.149.450	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.513.646	-	100,00	909.883.615	-
Công ty Cổ phần Đồng Pênh	Trồng cây công nghiệp	99,70	798.397.600	-	99,70	798.397.600	-
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Trồng cây công nghiệp	69,50	695.695.000	-	69,50	695.695.000	-
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Chăn nuôi	99,00	615.584.549	(21.242.922)	99,00	615.584.549	-
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, và chăn nuôi bò	97,77	440.512.398	-	97,77	440.512.398	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Trồng cây công nghiệp và bất động sản	99,53	394.313.155	(51.239.691)	99,53	394.313.155	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	171.654.457	-	100,00	171.654.457	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Thương mại	100,00	100.000.000	(33.946.829)	100,00	100.000.000	-
TỔNG CỘNG			12.563.586.935	(106.429.442)		7.581.925.022	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 9 tháng 12 năm 2016, Công ty đã mua 99,91% cổ phần của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900189156 do SKHĐT Thành phố Gia Lai cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008. Hoạt động chính được đăng ký của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên là trồng và kinh doanh cao su, các loại cây trồng khác và chăn nuôi bò. Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- (ii) Vào ngày 22 tháng 2 năm 2016, Công ty đã mua 100% cổ phần của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương, một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0311181334 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2011. Hoạt động chính được đăng ký của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương là trồng và kinh doanh cao su và các loại cây trồng khác. Công ty có trụ sở chính đăng ký Số 11D, Đường Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- (iii) Công ty đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai ("Mía đường HAGL") và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu, công ty con của Mía đường HAGL, cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc dự án mía đường tại Lào cho bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp vào Mía đường HAGL, và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này các thủ tục pháp lý cần thiết vẫn chưa hoàn thành.

10.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	286.004.636	47,80	273.175.991

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải trả cho người bán	16.107.549	62.562.500
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	56.350.535	55.082
TỔNG CỘNG	72.458.084	62.617.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	49.257.238	305.212.779
Chi phí lãi vay	24.012.500	305.212.779
Khác	25.244.738	-
Dài hạn	62.765.852	-
Chi phí lãi vay	62.765.852	-
TỔNG CỘNG	112.023.090	305.212.779

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	366.505.359	677.680.829
Lãi vay	360.636.540	54.759.771
Cổ tức phải trả	4.506.440	4.506.440
Mượn tiền	-	616.639.049
Phải trả khác	1.362.379	1.775.569
Dài hạn	90.503.476	-
Lãi vay	90.503.476	-
TỔNG CỘNG	457.008.835	677.680.829
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	<i>169.092.163</i>	<i>672.939.276</i>
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	<i>83.336.578</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả bên khác</i>	<i>204.580.094</i>	<i>4.741.553</i>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	100.191	886.303	-	986.494
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 20.1)	285.831	-	-	285.831
TỔNG CỘNG	386.022	886.303	-	1.272.325
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	1.648.286	520.960	(1.940.088)	229.158
TỔNG CỘNG	1.648.286	520.960	(1.940.088)	229.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	633.368.773	406.645.000
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 15.1)	297.091.268	300.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 15.2)	5.179.552	40.572.000
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 15.3)	331.097.953	66.073.000
Dài hạn	8.114.175.884	3.675.295.455
Vay dài hạn trái phiếu (Thuyết minh số 15.1)	1.817.205.919	1.700.000.000
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 15.2)	988.331.032	944.919.102
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 15.3)	5.308.638.933	1.030.376.353
TỔNG CỘNG	8.747.544.657	4.081.940.455

Công ty đã hoàn thành việc tái cơ cấu các khoản nợ vay và trái phiếu với các bên cho vay bao gồm Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"); Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB"); Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"). Theo đó, Công ty được các ngân hàng này cho gia hạn thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ (tín dụng và trái phiếu thêm từ 4 đến 10 năm; gia hạn thời gian trả nợ lãi thêm từ 1 đến 3 năm, và giảm lãi suất, lãi phạt.

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	Ngàn VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	406.645.000	3.675.295.455
Tiền thu từ đi vay	1.650.000.000	4.479.120.930
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	595.255.505	(595.255.505)
Tiền trả nợ gốc vay	(1.950.000.000)	(120.026.000)
Chi phí phát hành trái phiếu	(2.908.732)	(13.794.080)
Phân loại từ gia hạn hợp đồng	(66.073.000)	66.073.000
Phân loại từ khoản phải trả	-	615.192.603
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ	450.000	7.569.481
Số cuối năm	633.368.773	8.114.175.884

15.1 Vay dài hạn trái phiếu

Chi tiết trái phiếu thường vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổ chức thu xếp phát hành		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Euro Capital ("ECS")	1.700.000.000	1.700.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IB")	431.000.000	-
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPBS")	-	300.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(16.702.813)	-
TỔNG CỘNG	2.114.297.187	2.000.000.000
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	297.091.268	300.000.000
Vay dài hạn trái phiếu	1.817.205.919	1.700.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY (tiếp theo)

15.1 Vay dài hạn trái phiếu (tiếp theo)

Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Trái chủ</i>	<i>Số cuối năm Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital	VPB (*)	1.400.000.000	từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 8 năm 2021	10,5% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB – Chi nhánh Sở Giao dịch cộng với biên độ 4,5% (2016: 11%)	Cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào	181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai (“HAG”). Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND – Trái phiếu HAGL 600 do HAG phát hành
Công ty Cổ phần chứng khoán IB	VPB	431.000.000	từ ngày 23 tháng 3 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2020	10,5% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB cộng với biên độ 4,0% (2016: 10,5 - 11,3)	Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại nợ lãi trái phiếu của trái phiếu mệnh giá 1.400 tỷ VND	234.484.450 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG; và toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 hecta đất tại Huyện Lumphat, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của các công ty con của Công ty và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức
Chi phí phát hành trái phiếu		(16.702.813)				
TỔNG CỘNG		2.114.297.187				
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn trái phiếu</i>		1.817.205.919				
<i>Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả</i>		297.091.268				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY (tiếp theo)

15.1 Vay dài hạn trái phiếu (tiếp theo)

Trái phiếu thường (tiếp theo)

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng bảo đảm đã ký kết. Tuy nhiên, theo thỏa thuận gia hạn trái phiếu ngày 10 tháng 2 năm 2017, VPB, trái chủ của khoản trái phiếu 1.400 tỷ VND đã đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả trái phiếu và thời gian hoàn trả mới là từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 5 năm 2016.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS – công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền, tức là ngày 5 tháng 12 năm 2018.

15.2 Vay dài hạn ngân hàng

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
BIDV, Chi nhánh Gia Lai và Chi nhánh Bến Nghé	731.055.979	723.036.497
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn	262.454.605	262.454.605
TỔNG CỘNG	993.510.584	985.491.102
<i>Trong đó :</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	988.331.032	944.919.102
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	5.179.552	40.572.000

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào và Campuchia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY (tiếp theo)

15.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai và Chi nhánh Bến Nghé</i>					
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ-TD, ngày 1 tháng 4 năm 2010	731.055.979	32.077.928	từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,7% (2016: 7,0%)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của các công ty con
<i>Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn (*)</i>					
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153, ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	-	từ tháng 12 năm 2021 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	2016: 11,55%, 2017: 9,5% và từ 2018 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank + (cộng) biên độ 2% được điều chỉnh 3 tháng/lần	23,2 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và 14,5 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Quang Minh thuộc sở hữu của HNG
TỔNG CỘNG	993.510.584				
<i>Trong đó:</i>					
Vay dài hạn	988.331.032				
Vay dài hạn đến hạn trả	5.179.552				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày lập báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 100% tổng dư nợ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng cầm cố tài sản. Tuy nhiên, theo thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 05/LD1400300153 ngày 1 tháng 3 năm 2017, Sacombank đã đồng ý thay đổi lịch trả nợ gốc và ân hạn thời gian thanh toán lãi. Theo đó, thời gian hoàn trả nợ gốc mới là từ tháng 12 năm 2021 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026 và lãi vay bắt đầu trả từ năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY (tiếp theo)

15.3 Vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn</i> <i>thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>
<i>HAG, công ty mẹ (Thuyết minh số 21)</i>			
Hợp đồng vay số 10/HĐVHAGL-NNQT ngày 7 tháng 12 năm 2016	3.218.877.000	Ngày 7 tháng 12 năm 2021	4,20
Hợp đồng vay số 01-01/2016/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.324.410.532	Ngày 1 tháng 1 năm 2019	8,00 – 11,50
Hợp đồng vay số 25-07/2015/HĐV-HAGL ngày 25 tháng 7 năm 2015	350.000.000	Ngày 25 tháng 7 năm 2020	9,75 – 10,35
Hợp đồng vay số 05-01/2014/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 3 năm 2014	200.000.000	Ngày 28 tháng 3 năm 2017	9,75 – 12,00
Hợp đồng vay số 20082012/HĐV-HAGL ngày 20 tháng 8 năm 2012 – Phụ lục 20082012/HĐV-HAGL-PL1 ngày 20 tháng 8 năm 2015	150.000.000	Ngày 20 tháng 8 năm 2018	11,50 – 16,00
Hợp đồng vay số 05/2012/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 4 năm 2012	120.872.953	Ngày 28 tháng 4 năm 2017	14,00 – 17,00
Hợp đồng vay số 02/2015/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015	100.000.000	Ngày 6 tháng 1 năm 2018	9,75 – 10,87
Hợp đồng vay số 02/2011/HĐV-HAGL ngày 28 tháng 12 năm 2011 – Phụ lục 02/2011/PLGHHHĐV ngày 28 tháng 12 năm 2016	99.278.400	Ngày 30 tháng 12 năm 2027	9,75 – 11,93
Hợp đồng vay số 01/2013/HĐV-HAGL ngày 17 tháng 5 năm 2013 – Phụ lục 01/2013/HĐV-HAGL-PL1 ngày 1 tháng 6 năm 2016	66.073.000	Ngày 17 tháng 5 năm 2019	11,50 – 15,00
Hợp đồng vay số 09/12/2014/HĐV-HAGL ngày 9 tháng 12 năm 2014	10.225.000	Ngày 9 tháng 12 năm 2017	9,75 – 12,00
TỔNG CỘNG	<u>5.639.736.886</u>		
<i>Trong đó :</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	5.308.638.933		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	331.097.953		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	3.990.670.000	1.295.347.000	27.790.888	5.313.807.888
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	798.723.950	999.248.810	-	1.797.972.760
Phát hành cổ phiếu bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần	2.292.045.000	(2.292.045.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.157.595.523	1.157.595.523
Số cuối năm	<u>7.081.438.950</u>	<u>2.550.810</u>	<u>1.185.386.411</u>	<u>8.269.376.171</u>
Năm nay				
Số đầu năm	7.081.438.950	2.550.810	1.185.386.411	8.269.376.171
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (i)	590.000.000	1.062.000.000	-	1.652.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	106.002.834	106.002.834
Số cuối năm	<u>7.671.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>1.291.389.245</u>	<u>10.027.379.005</u>

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 3010/15/NQHĐQT-HAGL Agrico ngày 30 tháng 10 năm 2015, chấp thuận số 7406/UBCK-QLPH về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ của HNG ban hành bởi Ủy ban Chứng khoán nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2015 và các hợp đồng chào bán và chào mua chứng khoán phát hành riêng lẻ, Công ty đã tiến hành chào bán cổ phiếu phổ thông cho Công ty TNHH Đầu tư Cao Su Cường Thịnh và Công ty TNHH Đầu tư Cao Su An Thịnh với số lượng cổ phiếu phát hành lần lượt là 27.500.000 cổ phiếu và 31.500.000 cổ phiếu với giá phát hành là 28.000 VND/cổ phiếu.

Vào ngày 9 tháng 3 năm 2016, Công ty được SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp GCNĐKKD số 5900712753 thay đổi lần thứ 14 ngày 8 tháng 3 năm 2016 với nội dung thay đổi vốn điều lệ tăng từ 7.081.438.950 ngàn VND lên 7.671.438.950 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm Số lượng	Số đầu năm Số lượng
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	767.143.895	708.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	767.143.895	708.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	708.143.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	767.143.895	708.143.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	767.143.895	708.143.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng hóa

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Doanh thu thuần về bán hàng	188.970.898	12.502.387
Trong đó:		
Doanh thu với bên khác	100.374.430	4.600
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 21)	88.596.468	12.497.787

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Lãi tiền cho vay	487.795.169	364.268.379
Cổ tức	304.875.000	1.190.255.496
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.063.843	22.798
Khác	15.341	356.225
TỔNG CỘNG	794.749.353	1.554.902.898

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Chi phí lãi vay	549.707.937	345.763.745
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	106.429.442	-
Chi phí phát hành trái phiếu	6.617.188	-
Khác	905.096	3.023.928
TỔNG CỘNG	663.659.663	348.787.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	12.733.911	1.434.776
Chi dịch vụ mua ngoài	8.002.378	1.261.489
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.491.935	-
Chi phí nhân viên	1.903.118	79.617
Khác	336.480	93.670
Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.398.389	46.629.496
Chi phí nhân viên	11.100.863	18.876.460
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	6.681.229	6.824.722
Khác	4.616.297	20.928.314
TỔNG CỘNG	35.132.300	48.064.272

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế (năm 2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập chịu thuế:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	106.002.834	1.157.409.018
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Thu nhập cổ tức	(304.875.000)	(1.190.255.496)
Chi phí không được khấu trừ	7.223.061	24.052.198
Chi phí dự phòng và trích trước	-	(889.600)
Lỗ tính thuế thuần điều chỉnh trước thuế	(191.649.105)	(9.683.880)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Lỗ tính thuế ước tính trong năm hiện hành	(191.649.105)	(9.683.880)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	-	-
Thuế TNDN (trả trước) phải trả đầu năm	(285.831)	1.058.447
Thuế TNDN trích thừa năm trước	-	(186.505)
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	(1.157.773)
Thuế TNDN trả trước cuối năm	(285.831)	(285.831)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ chuyển sang từ các năm trước do tính không chắc chắn của thu nhập chịu thuế trong tương lai như sau:

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 201.332.985 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9.683.880 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Ngàn VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
2015	2020	9.683.880	-	-	9.683.880
2016	2021	191.649.105	-	-	191.649.105
TỔNG CỘNG		201.332.985	-	-	201.332.985

(*) Lỗ tính thuế là lỗ ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 201.332.985 VND do không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

21. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay và mượn	4.075.594.805	2.456.390.738
		Chi phí lãi vay	257.431.158	117.170.467
		Mua các khoản đầu tư	12.828.645	485.731.688
		Mua hàng hóa	9.119.948	-
		Bán hàng hóa	1.646.826	875.390
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	15.388.024	17.561.410
		Bán hàng hóa	109.600	62.470
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	69.487.125	74.531.852
		Bán hàng hóa	11.289.707	4.703.715

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm được trình bày như sau:
(tiếp theo)

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay Bán hàng hóa	141.250.888 46.373.305	83.343.743 -
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	81.782.937	84.938.972
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	89.046.422	79.162.589
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cổ tức Lãi cho vay	223.200.000 34.100.705	818.255.496 57.410.591
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cổ tức Bán hàng hóa	81.675.000 2.670.570	- 601.081
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay Bán hàng hóa	396.670.000 34.335.066 5.375.935	- 23.882.177 1.444.260
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay Lãi cho vay	300.000.000 20.987.500	- -
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua hóa và dịch vụ Bán hàng hóa	30.960.888 8.666.625	- 4.795.191
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	11.558.000	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua vật tư Bán hàng hóa	2.259.662 5.900	- 5.020
Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	900.000	-
Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Công ty con	Bán hàng hóa	-	10.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

<i>Ngàn VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</i>				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa	14.073.555	4.811.498
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Bán hàng hóa	10.998.540	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	9.926.139	943.950
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	3.493.144	8.847.765
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	3.198.914	605.847
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Bán tài sản cố định	1.903.798	3.285.900
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	1.371.575	772.802
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	110.080	-
Chi nhánh Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai Pleiku	Bên liên quan	Bán hàng hóa	1.681	-
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	17.589
			45.077.426	19.285.351
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)</i>				
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	242.000.002	129.120.002
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Cho vay	130.000.000	195.783.281
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	120.872.953	336.073.001
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay	45.000.000	123.358.579
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	40.896.000	427.589.992
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	33.000.000	128.221.602
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay	-	170.611.131
			511.769.955	1.510.757.599

(*) Cho vay ngắn hạn bên liên quan thể hiện khoản cho vay tín chấp với thời hạn hoàn trả đến hết tháng 12 năm 2017 và với lãi suất trung bình từ 9,5% đến 11,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				<i>Ngàn VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)</i>					
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	799.225.556 -	260.857.696 5.446.141	
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	362.314.788 7.212.880	280.531.851 7.212.880	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay Cổ tức phải thu Chi hộ	319.096.868 19.507.500 6.391.705	249.609.743 19.507.500 6.391.705	
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	255.497.231 5.406.428	166.450.808 5.406.428	
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Cổ tức phải thu	81.675.000	-	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Lãi cho vay	47.736.855	32.348.831	
Công ty Cổ Phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay Khác	6.356.047 -	29.460.203 304.838	
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Cản trừ công nợ	2.941.301		
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi hộ	2.065.085	2.065.085	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay Cổ tức phải thu Chi hộ	- - -	185.641.936 8.148.900 25.000	
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Chi hộ	-	333.500	
			1.915.427.244	1.259.743.045	
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (*)</i>					
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.455.792.165	1.069.417.133	
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	535.351.402	320.151.353	
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	520.449.591	633.329.591	
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Cho vay	490.998.617	62.142.038	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<i>Phải thu về cho vay dài hạn (tiếp theo) (*)</i>					
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Cho vay	451.064.043	385.280.762	
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Cho vay	300.000.000	-	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho vay	95.221.602	-	
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đồng Dương	Công ty con	Cho vay	4.466.000	-	
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con gián tiếp	Cho vay	-	233.000.000	
			3.853.343.420	2.703.320.877	
<i>Phải thu dài hạn khác</i>					
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	20.987.500	-	
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đồng Dương	Công ty con	Lãi cho vay	136.957	-	
			21.124.457	-	
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)</i>					
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Mua vật tư	(25.674.802)	-	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua khoản đầu tư	(12.828.645)	-	
		Mua vật tư	(6.605.559)	(27.335)	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Mua vật tư	(5.367.889)	-	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông Nghiệp Đại Thắng	Bên liên quan	Mua vật tư	(3.195.942)	-	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua vật tư	(2.674.574)	(23.424)	
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua vật tư	(3.124)	(4.323)	
			(56.350.535)	(55.082)	

(*) Cho vay dài hạn các bên liên quan thể hiện các khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 9 năm 2021 và với lãi suất trung bình từ 7% đến 12%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 13)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay	(168.133.553)	(54.759.771)
		Thu hộ	(958.610)	-
		Mượn tiền	-	(616.639.049)
Công ty TNHH Hoàng Anh An Dong Meas	Công ty con	Thu hộ	-	(1.319.343)
Công ty TNHH Daun Penh Agrico	Công ty con	Mượn tiền	-	(150.381)
Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Khác	-	(70.732)
			(169.092.163)	(672.939.276)
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 13)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi vay	(83.336.578)	-
Vay dài hạn (Thuyết minh số 15.3)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	(5.639.736.886)	(1.096.449.353)

22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2017